

## CADIFAST 120

Viên nén bao phim Fexofenadin HCl 120 mg

### Thành phần

Mỗi viên nén bao phim chứa:

Fexofenadin HCl 120 mg

Tá dược: Lactose, Tinh bột ngô, Microcrystallin M101, Polyvinyl pyrrolidone, Natri starch glycolate, Talc, Magnesi stearat, HPMC 606, Màu sunset yellow, Titan dioxyd, Polyethylen glycol 6000.

### Phân loại

CADIFAST 120 là thuốc kháng histamin thế hệ thứ 3.

### Dược lực

Dược chất chính của CADIFAST 120 là Fexofenadin hydrochlorid là chất chuyển hóa của terfenadine là một chất kháng histamin có hoạt tính đối kháng chọn lọc với thụ thể H<sub>1</sub> ngoại biên.

### Cơ chế tác dụng

Fexofenadin hydrochlorid tác dụng chọn lọc trên thụ thể H<sub>1</sub> ngoại biên, tác dụng trực tiếp mà không cần qua hệ thống men gan chuyển hóa.

### Dược động học

- Fexofenadin hydrochlorid được hấp thu nhanh sau khi uống, nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt được sau khi uống 2,6 giờ.
- Khoảng 60% -70% Fexofenadin hydrochlorid gắn với protein huyết tương, chủ yếu là albumin và lamda- acid glycoprotein.
- Khoảng 5% tổng liều uống được chuyển hóa.
- Thời gian bán thải trung bình của Fexofenadin là 14,4 giờ sau khi uống. Khoảng 80% liều được tìm thấy trong phân và 11% liều được tìm thấy trong nước tiểu.

### Chỉ định

CADIFAST 120 được chỉ định điều trị các triệu chứng của mề đay vô căn mạn tính, làm giảm ngứa và số lượng dát mề đay.

*Đọc kỹ hướng dẫn sử dụng trước khi dùng. Nếu cần biết thêm thông tin, xin hỏi ý kiến bác sĩ.*

### Liều lượng và cách dùng

Liều dùng và thời gian dùng thuốc cho từng trường hợp cụ thể tùy theo chỉ định của Bác sĩ điều trị.

Liều dùng thông thường như sau:

Người lớn và trẻ em trên 12 tuổi: 60mg/lần x 2 lần/ngày hoặc 120mg một lần duy nhất trong ngày.

Không cần điều chỉnh liều ở bệnh nhân suy gan, suy thận và lớn tuổi.

### Cách dùng

Dùng đường uống.

Nên dùng thuốc cách xa 2 giờ đối với các thuốc kháng acid có chứa gel nhôm hay magnesi.

**Chống chỉ định**

Bệnh nhân có tiền sử quá mẫn với bất cứ thành phần nào của thuốc  
Bệnh nhân dưới 12 tuổi.

**Thận trọng*****Phụ nữ mang thai***

Chỉ dùng khi lợi ích điều trị cao hơn những nguy cơ có thể gặp đối  
với thai nhi.

***Phụ nữ cho con bú***

Fexofenadin hydrochlorid được khuyến cáo không nên dùng trong  
thời kỳ cho con bú

**Tương tác thuốc**

Sử dụng đồng thời với ketoconazol hoặc erythromycin làm tăng  
nồng độ của fexofenadin hydrochlorid trong huyết tương.

Sử dụng đồng thời với các thuốc kháng acid có chứa nhôm hay  
magnesi như Maalox có thể làm giảm sinh khả dụng của fexofena-  
din hydrochlorid.

**Tác dụng phụ**

Tác dụng phụ chủ yếu là: buồn nôn, thống kinh, buồn ngủ, khó tiêu  
và mệt.

***Thông báo cho Bác sỹ những tác dụng không mong muốn gặp  
phải khi sử dụng thuốc.***

**Quá liều và cách xử trí**

Chưa có thuốc giải độc đặc hiệu. Trong trường hợp quá liều, dùng  
những biện pháp cơ bản để loại phần thuốc chưa được hấp thu.

Cũng cần điều trị triệu chứng và điều trị hỗ trợ.

**Dạng trình bày**

Hộp 3 vỉ, vỉ 10 viên.

Hộp 10 vỉ, vỉ 10 viên.

Chai 200 viên.

**Tiêu chuẩn**

Nhà sản xuất.

**Hạn dùng**

36 tháng kể từ ngày sản xuất

**Bảo quản**

Bảo quản thuốc ở nơi khô thoáng, nhiệt độ dưới 30°C, tránh ánh  
sáng.

***Để thuốc xa tầm tay trẻ em.***

**Nhà sản xuất**

**US PHARMA USA**

Lô B1 – 10, Đường D2, Khu công nghiệp Tây Bắc Củ Chi – TP. Hồ  
Chí Minh – Việt Nam.

*Mọi thắc mắc và thông tin chi tiết, xin liên hệ về số điện thoại  
08-37908860*